

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Kế hoạch mua sắm tập trung: Mua sắm tập trung mạng sóng quang cho các VNPT tỉnh, thành phố và VNPT -Net
- Gói thầu: Mua sắm mạng sóng quang
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Quy mô gói thầu:

Stt	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Mạng sóng (Ngâm, 96FO)	Bộ	2.660
2	Mạng sóng (Ngâm, 48FO)	Bộ	3.323
3	Mạng sóng (Ngâm, 24FO)	Bộ	3.693
4	Mạng sóng (Ngâm, 12FO)	Bộ	5.995
5	Mạng sóng (Treo, 96FO)	Bộ	2.464
6	Mạng sóng (Treo, 48FO)	Bộ	6.960
7	Mạng sóng (Treo, 24FO)	Bộ	23.726
8	Mạng sóng (Treo, 12FO)	Bộ	23.459
9	Mạng sóng (Treo, 6FO)	Bộ	1.760

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Việc đánh giá về mặt kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chí “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Việc đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hàng hoá được thực hiện dựa trên tuyên bố đáp ứng của nhà thầu, tài liệu kỹ thuật đính kèm theo E-HSDT, tài liệu kỹ thuật làm rõ bổ sung (nếu có) và kết quả kiểm tra hàng mẫu dự thầu.
- E-HSDT đạt tất cả các nội dung yêu cầu kỹ thuật thuộc A và B dưới đây sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT, khi đó nhà thầu được chuyển sang bước đánh giá về giá.
- Trong trường hợp không đáp ứng bất cứ yêu cầu kỹ thuật nào, nhà thầu bị loại ngay lập tức mà không cần thiết phải xem xét tiếp hồ sơ.
- Nhà thầu phải nộp hàng mẫu dự thầu theo quy định tại Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm -- Chương V – E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không nộp hàng mẫu theo đúng quy định thì nhà thầu sẽ bị đánh giá không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và không được chuyển sang bước đánh giá về giá.

✓
98-11
f

A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
1	Sản phẩm phải có đầy đủ thông tin trên Website của Hãng sản xuất và của Nhà cung cấp.	Trên website có đủ thông tin	M
2	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu phải có giấy chứng nhận xuất xứ, chất lượng hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế: CO, CQ (nếu là hàng nhập khẩu). - Trường hợp là hàng sản xuất trong nước phải cung cấp giấy chứng nhận chất lượng và Test report của Hãng sản xuất. 	Nhà thầu cam kết cung cấp văn bản, tài liệu chứng minh	M
3	<ul style="list-style-type: none"> - Măng sông treo: mức độ bảo vệ chống bụi và nước đáp ứng IP65 trở lên. Có phụ kiện kèm theo để cố định măng sông trên cột hoặc cố định trực tiếp trên dây treo của cáp quang. - Măng sông ngầm: mức độ bảo vệ chống bụi và nước đáp ứng IP68, đảm bảo lắp đặt được trong các bể/hố cáp của VNPT. - Măng sông treo và măng sông ngầm đều phải có van bơm hơi để kiểm tra độ kín khít. 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M
4	<p>Cấu trúc măng sông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng hộp kín nằm ngang, ghép bởi 02 mảnh vỏ và được liên kết với nhau bằng ngàm kẹp bố trí hai bên theo chiều dọc của măng sông (không sử dụng cơ chế liên kết 2 mảnh vỏ măng sông bằng buloong, ốc vít). Ngàm kẹp thiết kế kiểu cơ khí, kẹp giữ 2 bên thành măng sông và được gắn liền với măng sông. Thành phần kim loại của ngàm kẹp làm bằng thép không gỉ. - Cho phép thi công đầu nối cáp quang theophương thức "Midspan access"; có đủ khoảng trống để sắp xếp, cố định các ống lồng chứa sợi quang không bị cắt ngang khi đi qua măng sông; đảm bảo tại bất kỳ điểm nào trong măng sông đều đáp ứng yêu cầu về bán kính uốn cong của sợi quang luôn ≥ 30 mm. - Có phụ kiện để đầu nối liên tục thành phần kim loại của cáp quang. - Măng sông phải có đầy đủ các vật tư, phụ kiện cơ bản (khay hàn; ống co nhiệt; gioăng/nút làm kín; kẹp giữ cố cáp/dây thuê bao, dụng cụ tháo lắp măng sông...), đảm bảo đồng bộ từ 01 nhà sản xuất. 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M
5	<p>Yêu cầu đối với vỏ măng sông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được làm bằng nhựa tổng hợp màu đen, có khả năng chống tia tử ngoại và chống côn trùng gặm nhấm; không bị 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M

M.H.H

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	<p>lão hóa, giòn nứt, vỡ theo thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng chống lại ăn mòn của hóa chất, và chịu được lực nén tối thiểu 1000N/25cm², lực va đập khi chịu tác động của quả thép tròn nặng 1kg rơi từ độ cao 2m (đối với mảng sông ngầm) và 01m (đối với mảng sông treo). - Có dấu hiệu nhận biết (serial number hoặc đồng hồ in chìm năm/tháng sản xuất hoặc tem bảo hành không bong, tróc trong môi trường nước) đảm bảo dễ dàng nhận dạng để bảo hành sản phẩm. 		
6	<p>Cơ chế chống nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gioăng làm kín phải liền mạch, lắp đặt định hình giữa 02 mảnh vỏ mảng sông, và được làm bằng vật liệu cao su silicon đàn hồi, cho phép đóng/mở nhiều lần mà không cần thay thế, đảm bảo yêu cầu kín nước (không sử dụng gioăng làm bằng cao su non). - Tại các cổng mảng sông đầu nối cáp vào/ra: sử dụng các nút làm kín bằng cao su silicon đàn hồi, cho phép sử dụng nhiều lần, và đảm bảo yêu cầu kín nước (chỉ dùng cao su non trong trường hợp đầu nối dây thuê bao). - Trường hợp có sử dụng Gel chống thấm nước để hỗ trợ khả năng kín nước: sử dụng Gel dạng mỡ, không tan trong nước, dễ lau chùi, và làm sạch khi đóng/mở mảng sông (không sử dụng loại Silicon sealant đông cứng). 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M
7	<p>Cơ chế cố định cáp quang trong mảng sông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định chắc chắn cáp bằng ốp nhựa có kích thước phù hợp với đường kính cáp + bu lông ốc vít hoặc đai thép làm bằng kim loại không gỉ. - Thành phần gia cường trung tâm của cáp sau khi cố định phải song song với mặt phẳng nằm ngang, không bị cong, gãy. Bu lông cố định dây gia cường không bị chèn, gãy hoặc hỏng bước ren. 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M
8	<p>Cơ chế chống rung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mảng sông đáp ứng được tiêu chuẩn chống rung động tại tần số 5Hz => 55Hz => 5Hz, dạng hàm sin với biên độ tối thiểu 1 mm. - Các khay hàn được lắp đặt chắc chắn trong lòng mảng sông. <p>Yêu cầu: mảng sông đảm bảo kín khí, không bị nứt, vỡ, không ảnh hưởng chất lượng sợi quang (suy hao mỗi hàn thay đổi không quá 0.05 dB) sau khi kiểm tra.</p>	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M
9	Dung lượng mảng sông (số lượng mỗi hàn đáp ứng) và	Có tài liệu, hình	M

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	<p>số lượng cổng cáp vào/ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng sông có dung lượng $\leq 12Fo$: tối thiểu 03 cổng cáp vào/ra, và đáp ứng 12 mỗi hàn. - Mạng sông dung lượng $24Fo$: tối thiểu 04 cổng cáp vào/ra, và đáp ứng 24 mỗi hàn (max 48 mỗi hàn). - Mạng sông dung lượng $48Fo$: 06 cổng cáp vào/ra, và đáp ứng 48 mỗi hàn (max 96 mỗi hàn). - Mạng sông dung lượng $96Fo$: 06 cổng cáp vào/ra, và đáp ứng 96 mỗi hàn. - Các cổng cáp khi chưa đấu nối cáp đều phải được bịt kín hoặc có nút chặn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kín khí, chống bụi, nước lọt vào. 	ảnh chứng minh	
10	<p>Khả năng hỗ trợ đấu nối dây thuê bao quang:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng sông dung lượng $\leq 12Fo$ có khả năng đấu nối 08 dây thuê bao quang loại [2.0x3.0] mm hoặc dây thuê bao quang có đường kính $\leq 4,5$ mm. Kích thước nhỏ gọn, thuận lợi cho việc triển khai ngầm hóa tại các tuyến phố. - Nhà thầu sẵn sàng cung cấp bộ phụ kiện hỗ trợ đấu nối dây thuê bao quang (cổng đấu nối dây thuê bao quang các loại, nút chặn đảm bảo kín nước...) khi có yêu cầu từ các đơn vị sử dụng. 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh và nhà thầu cam kết đáp ứng	M
11	<p>Khay hàn nối sợi quang:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng nhựa ABS hoặc nhựa tổng hợp, bền nhẹ, có độ ổn định cao về kích thước, chống lão hóa. Các khay hàn được liên kết chắc chắn với nhau hoặc tháo rời. Khớp liên kết các khay hàn được bố trí theo chiều dọc của mạng sông. - Các khay hàn được lắp đặt trong mạng sông một cách hợp lý, khoa học; cho phép đóng/mở theo hướng xác định mà không ảnh hưởng đến chất lượng truyền dẫn (đứt gãy sợi quang, tăng suy hao...), thuận tiện cho việc hàn nối, sửa chữa cáp quang. - Dung lượng mỗi khay hàn là 12 hoặc 24 mỗi hàn nhiệt, và có vị trí lắp đặt 01 splitter loại Naked splitter mà vẫn đảm bảo yêu cầu hàn nối, lưu giữ sợi quang bên trong khay hàn. - Không gian bên trong khay hàn cho phép lưu trữ sợi quang và đảm bảo bán kính uốn cong của sợi quang tại mọi vị trí luôn ≥ 30 mm. - Các khay hàn phải có nắp đậy bằng nhựa trong đảm bảo dễ dàng quan sát các sợi quang và mỗi hàn lưu giữ bên trong. Trường hợp, mạng sông có các khay hàn liên kết với nhau thì chỉ cần nắp đậy đối với khay hàn trên cùng. 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh	M



Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	<ul style="list-style-type: none"> - Mã màu của tem nhận dạng thứ tự hàn nối sợi quang trong khay hàn phải tuân thủ theo EIA/TIA-598. - Bộ định vị mỗi hàn (khe lược) trong khay hàn: được làm bằng nhựa mềm, có chiều cao từ 4mm (1 lớp ống co nhiệt/khe) hoặc 5mm (2 lớp ống co nhiệt/khe), đảm bảo giữ chắc chắn ống co nhiệt có chiều dài 60 mm và cho phép tháo gỡ ống co nhiệt dễ dàng mà không ảnh hưởng đến các ống co nhiệt khác. Khi cố định ống co nhiệt không ảnh hưởng đến chất lượng sợi quang (suy hao tăng thêm của sợi quang sau khi lưu giữ tại khay hàn $\leq 0,05$ dB). 		
12	<p>Ống co nhiệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng ống co nhiệt: theo dung lượng mạng sông (ví dụ: mạng sông 24Fo sẽ có 24 ống co nhiệt). Chiều dài danh định: 60 mm \pm 3 mm. - Ống ngoài làm bằng vật liệu nhựa Polyolefin trong suốt, đường kính trong từ 2.0 mm đến 3.0 mm và chiều dày từ 0.15 mm đến 0.25 mm. - Ống trong làm bằng vật liệu nhựa EVA (Ethylene Vinyl Acetate) trong suốt, đường kính trong từ 1.3 mm đến 1.5 mm và chiều dày từ 0.3 mm đến 0.5 mm. - Dây gia cường làm bằng thép không gỉ, đường kính từ 1.0 đến 1.5 mm; chiều dài từ 54 mm đến 56 mm. <p>Nhiệt độ co nhiệt: 90°C \pm 120°C.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nhiệt xuyên tâm: $\geq 50\%$. - Độ ẩm hoạt động: $\leq 95\%$ RH. - Suy hao mỗi hàn khi co nhiệt: suy hao tăng thêm sau khi thực hiện co nhiệt ≤ 0.05dB (đo tại bước sóng 1550nm). 	Có tài liệu chứng minh hoặc cam kết của nhà thầu	M
13	<p>Điều kiện hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ làm việc: từ -10°C đến +65°C. - Độ ẩm tối đa: 95% RH (đối với mạng sông treo); 100% RH (đối với mạng sông ngầm). 	Có tài liệu và Test report chứng minh	M
14	Khả năng tái sử dụng: tối thiểu 10 lần đóng mở vẫn đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật: khả năng kín khí; các bộ phận của mạng sông không bị biến dạng, nứt, gãy.	Có tài liệu chứng minh và cam kết của nhà thầu	M
15	<p>Tuổi thọ và thời gian bảo hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuổi thọ: tối thiểu 20 năm. - Thời gian bảo hành: tối thiểu 02 năm 	Có tài liệu chứng minh và cam kết của nhà thầu	M
16	<p>Phụ kiện kèm theo mạng sông:</p> <p>Băng keo: 01 cuộn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lạt nhựa loại 100 mm và 200 mm (để cố định ống lỏng, 	Có tài liệu, hình ảnh chứng minh, và cam kết của	M

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	<p>dây thuê bao).</p> <p>Bộ ống nhựa mềm 06 mã màu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lọ Gel hỗ trợ làm kín nước kèm dụng cụ quét gel (nếu có). - Bộ nút chặn công và gioăng cao su silicon. - Dụng cụ tháo lắp măng sông (nếu có). - Ống co nhiệt (theo dung lượng măng sông). - Bộ giá treo măng sông (đối với măng sông treo). - Tài liệu hướng dẫn lắp đặt (bằng tiếng Việt). 	nhà thầu	
17	<p>Đóng gói và nhãn mác hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: <ul style="list-style-type: none"> + Tuân theo tiêu chuẩn đóng gói của Nhà sản xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hàng hoá trong quá trình vận chuyển (đường bộ, đường biển, đường hàng không) + 01 bộ măng sông với đầy đủ phụ kiện kèm theo trong 1 hộp carton. - Nhãn mác: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với măng sông là hàng nhập khẩu, bên cạnh nhãn gốc gắn trên hàng hóa được giữ nguyên, toàn bộ hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng đều phải được gắn nhãn phụ bằng tiếng Việt ở vị trí có thể dễ dàng nhận biết được bằng mắt thường, được gắn trên từng hàng hóa và/hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa. + Màu sắc của chữ, chữ số, hình vẽ, hình ảnh, dấu hiệu, ký hiệu ghi trên nhãn hàng hoá phải rõ ràng. Nội dung ghi trên nhãn phụ phải trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hoá và tương ứng với nội dung ghi trên nhãn gốc bằng tiếng nước ngoài của hàng hóa, bao gồm các nội dung cụ thể như sau: <div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>Tên hàng hóa :</p> <p>Mã hiệu hàng hóa:</p> <p>Thông số kỹ thuật :</p> <p>Năm sản xuất :</p> <p>Xuất xứ :</p> <p>Nhà sản xuất :</p> <p>Nhà nhập khẩu :</p> <p>Địa chỉ :</p> <p>Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Kèm theo sản phẩm</p> </div> <p>(Ghi chú: cho phép bổ sung Nhãn phụ khi giao nhận hàng hóa; thông số kỹ thuật: dung lượng măng sông).</p>	Có tài liệu chứng minh, và cam kết của nhà thầu	M

0300
 CH
 TÁ
 BƯU CHÍ
 VI
 -VIỆ
 TH
 HỒ
 ANH PH

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
18	Các phép thử đối với màng sông (yêu cầu có Test Report (*) của Nhà sản xuất hoặc Bên thứ 3 - có chức năng đo kiểm độc lập để chứng minh đáp ứng)		
18.1	Các phép thử đánh giá độ kín khít của màng sông quang theo ITU-T Rec. L201/2021: Annex A.1 [Sealing Evaluation]		
18.1.1	<p>Giảm áp suất trong quá trình test.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-38 [Method B]. - Điều kiện: + Áp suất bên trong: $[40 \pm 2]$ kPa. + Nhiệt độ: tại nhiệt độ test. + Thời gian test: trong vòng 12 giờ. - Yêu cầu: chênh lệch về áp suất trước và sau test ≤ 2 kPa. 	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.1.2	<p>Độ kín khít sau test (đã đấu nối cáp vào màng sông).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-38 [Method A]. - Điều kiện: + Áp suất bên trong: $[40 \pm 2]$ kPa. + Nhiệt độ: $[23 \pm 5]^{\circ}\text{C}$. + Thời gian thử: 15 phút. + Độ sâu thử: chìm màng sông nằm dưới mặt nước. - Yêu cầu: không phát hiện bọt khí trong suốt quá trình kiểm tra. 	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.1.3	<p>Đánh giá hình thức bên ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: IEC 61300-3-1. - Điều kiện: xem xét sản phẩm bằng mắt thường. - Yêu cầu: không phát hiện các khuyết tật được coi là ảnh hưởng đến chất lượng màng sông. 	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.2	Các phép thử đánh giá tác động cơ học, môi trường đối với màng sông (ITU-T Rec. L201/2021: Annex B [Sealing Evaluation])		
18.2.1	<p>Thử va đập (B.1.4 - Impact test).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-12 [Method B]. - Điều kiện: + Dụng cụ thử: quả cầu thép có khối lượng 1kg. + Độ cao thả rơi: 02 m đối với màng sông ngầm; 01 m đối với màng sông treo. + Áp suất kiểm tra: $[40 \pm 2]$ kPa đối với màng sông ngầm; $[20 \pm 2]$ kPa đối với màng sông treo. + Nhiệt độ thử: $[23 \pm 5]^{\circ}\text{C}$. + Vị trí: tại trung tâm của màng sông theo các góc tại 0°, 90°, 180°, 270° xung quanh trục dài nhất. Đối với màng 	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	<p>sông có hình dạng chữ nhật, vị trí va chạm phải ở giữa mặt phẳng lớn nhất.</p> <p>+ Số lần va đập: 1 lần/vị trí.</p> <p>- Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: giảm áp suất (18.1.1); độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3).</p>		
18.2.2	<p>Khả năng chịu áp lực nước (B.1.7 - Waterhead) (chỉ áp dụng đối với mĂNG sông ngầm đã đấu nối cấp quang).</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-23.</p> <p>- Điều kiện:</p> <p>+ Chiều cao cột nước: 5m đối với mĂNG sông ngầm (hoặc sử dụng thiết bị tạo áp lực nước tương ứng 50kPa).</p> <p>+ Áp suất bên trong mĂNG sông: 0 kPa.</p> <p>+ Thời gian test: 7 ngày.</p> <p>- Yêu cầu: thực hiện đánh giá quan sát bằng mắt thường (18.1.3): không có nước thâm nhập vào trong mĂNG sông.</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.2.3	<p>Khả năng chịu tác động của các dung môi (B.1.8 Resistance to aggressive media).</p> <p>- Tiêu chuẩn quốc tế: IEC 61300-2-34.</p> <p>- Điều kiện: ngâm mĂNG sông ngập trong các dung môi:</p> <p>+ HCl tại pH 2 (mĂNG sông ngầm và treo)</p> <p>+ NaOH tại pH 12 (mĂNG sông ngầm và treo)</p> <p>+ Mỡ công nghiệp, dầu Diesel (mĂNG sông ngầm).</p> <p>+ Áp suất bên trong: $[40 \pm 2]$ kPa đối với mĂNG sông ngầm; 0 kPa đối với mĂNG sông treo.</p> <p>+ Thời gian cho mỗi dung môi: 1 giờ đối dầu Diesel; 5 ngày với các dung môi khác.</p> <p>+ Thời gian sấy khô: 24 giờ đối với dầu Diesel; các loại dung môi khác không cần sấy khô.</p> <p>- Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3).</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.2.4	<p>Khả năng chịu sương muối (B.1.10 – Resistance to corrosion: salt fog).</p> <p>- Tiêu chuẩn quốc tế: IEC 61300-2-26.</p> <p>- Điều kiện: ngâm trong dung dịch nước chứa 5%NaCl; pH trong khoảng 6,5 đến 7,2.</p> <p>- Áp suất thử: 0 kPa.</p> <p>- Nhiệt độ thử: $[+23 \pm 2]^{\circ}\text{C}$.</p> <p>- Thời gian: 5 ngày.</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M

54529-C.
 NHÃNH
 P ĐOÀN
 HIỆNH THỜI
 T NAM
 THÔNG
 NH PHỐ
 CHÍ MINH
 Ở HỒ CHÍ

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	- Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: giảm áp suất (18.1.1); độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3): vỏ măng sông không có dấu hiệu bị ăn mòn và bị đổi màu.		
18.2.5	<p>Chu kỳ biến đổi nhiệt (B.1.11&B.1.12 - Temperature cycling).</p> <p>- Tiêu chuẩn quốc tế: IEC 61300-2-22.</p> <p>- Điều kiện:</p> <p>+ Nhiệt độ thấp nhất/cao nhất: $[0/+60 \pm 2]^{\circ}\text{C}$.</p> <p>+ Thời gian duy trì nhiệt: 4 giờ;</p> <p>+ Thời gian chuyển tiếp nhiệt: 2 giờ;</p> <p>+ Số chu kỳ: 12.</p> <p>- Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3).</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.2.6	<p>Khả năng chịu rung (B.1.6 - Vibration: scaling).</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-1.</p> <p>- Điều kiện:</p> <p>+ Tần số rung: 5Hz => 55Hz => 5Hz dạng hàm sin với biên độ 1 mm.</p> <p>+ Áp suất bên trong: $[40 \pm 2]$ kPa đối với măng sông ngầm; $[20 \pm 2]$ kPa đối với măng sông treo.</p> <p>+ Kẹp cáp tại vị trí 500 mm cách măng sông.</p> <p>+ Thời gian thử: 2 giờ.</p> <p>- Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3).</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.2.7	<p>Khả năng đóng/mở nhiều lần (B.1.13 - Re-entries).</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-33.</p> <p>- Điều kiện: làm "già" giữa mỗi lần đóng mở măng sông: ít nhất một chu kỳ nhiệt (18.2.5 - Chu kỳ biến đổi nhiệt).</p> <p>Số lần đóng/mở: 05 lần.</p> <p>- Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3).</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M
18.2.8	<p>Khả năng chịu nén (B.1.5 - Static load: Crush test).</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEC 61300-2-10.</p> <p>- Điều kiện:</p> <p>+ Tải tác động tương đương 1.000 N lên vùng có tiết diện 25 cm^2 tại chính giữa măng sông ở các góc 0°, 90° quanh trục dọc măng sông.</p> <p>+ Áp suất bên trong: $[40 \pm 2]$ kPa đối với măng sông ngầm; $[20 \pm 2]$ kPa đối với măng sông treo.</p>	Có tài liệu (Test report) để chứng minh đáp ứng	M

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Loại yêu cầu (M/O)
	+ Nhiệt độ thử: $[23 \pm 2]^{\circ}\text{C}$. - Yêu cầu: thực hiện các đánh giá: giảm áp suất (18.1.1); độ kín khít (18.1.2); quan sát bằng mắt thường (18.1.3).		

(*) : Tài liệu "Test report" được yêu cầu như mục "B. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP HÀNG HÓA", Stt (1)

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN ĐO KIỂM CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT
 ĐỂ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HÀNG MẪU & NGHIỆM THU
 HÀNG HÓA

Stt	Chỉ tiêu đo kiểm, đánh giá	Bài đo
1	Kiểm tra các ký hiệu, thông tin trên bao bì đóng gói, nhãn mác sản phẩm.	<u>Quan sát bằng mắt thường:</u> Đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật, và kiểm tra các thông tin.
2	Kiểm tra bộ phụ kiện đóng gói kèm theo măng sông.	<u>Quan sát bằng mắt thường:</u> Đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ dự thầu và kiểm tra: - Số lượng, chủng loại các vật tư/phụ kiện kèm theo. - Nội dung chi tiết tài liệu hướng dẫn lắp đặt măng sông.
3	Kiểm tra, đánh giá sơ bộ hình dáng, kích thước và cấu trúc của măng sông.	<u>Quan sát bằng mắt thường và sử dụng thước đo:</u> - Đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ dự thầu và kiểm tra đánh giá các bộ phận của măng sông. - Đo kiểm kích thước măng sông và đối chiếu với tài liệu kỹ thuật của sản phẩm tại hồ sơ dự thầu. - Yêu cầu: không phát hiện các khuyết tật được coi là ảnh hưởng đến chất lượng măng sông.
4	Kiểm tra dung lượng hàn nối; số lượng công đầu nối cáp quang; bộ phụ kiện hỗ trợ đầu nối dây thuê bao quang các loại; các chi tiết kim loại của ngàm khóa măng sông và bộ phận cố định cáp quang trong; dung lượng khay hàn và khe lược cố định ống co nhiệt; chiều dài/đường kính ống co nhiệt.	<u>Quan sát bằng mắt thường và sử dụng thước cặp:</u> - Đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ dự thầu và kiểm tra đánh giá các bộ phận: số lượng/dung lượng khay hàn; số lượng công đầu nối cáp/dây thuê bao quang; kiểm tra chi tiết kim loại của ngàm khóa cơ khí, cố định cáp (yêu cầu là thép không gỉ). - Đo kiểm kích thước khe lược, ống co nhiệt và đối chiếu với tài liệu kỹ thuật của sản phẩm tại hồ sơ dự thầu. <i>Ghi chú: có thể thực hiện lắp đặt cáp quang và hàn nối sợi quang trong khay để kiểm tra, đánh giá.</i>
5	Kiểm tra khả năng kín khí của măng sông.	- Lắp đặt cáp quang, dây thuê bao quang vào măng sông và đóng măng sông lại (Lưu ý: bịt kín đầu cáp/dây thuê bao phía ngoài măng sông, đảm bảo không bị lọt khí ra ngoài). - Thực hiện kiểm tra theo mục 18.1.2 để kiểm tra, đánh giá khả năng kín khí của măng sông. - Yêu cầu: không phát hiện bọt khí trong suốt quá trình kiểm tra.

Stt	Chỉ tiêu đo kiểm, đánh giá	Bài đo
6	Kiểm tra khả năng chịu va đập của măng sông.	- Thực hiện theo mục 18.2.1 để kiểm tra, đánh giá khả năng chịu va đập của măng sông. - Yêu cầu: vỏ măng sông không bị vỡ hoặc bị rạn nứt. Các khay hàn lắp đặt bên trong không bị xô lệch, gây các khớp liên kết với măng sông.
7	Kiểm tra mức độ giảm áp suất.	- Đóng kín măng sông và thực hiện theo mục 18.1.1 để kiểm tra mức độ suy giảm áp suất. - Yêu cầu: chênh lệch về áp suất trước và sau kiểm tra $\leq 2\text{kPa}$.
8	Các chỉ tiêu khác: yêu cầu nhà thầu cung cấp Test report (*) của hãng sản xuất hoặc của Bên thứ 3 có chức năng đo kiểm độc lập.	

(*) : Tài liệu "Test report" được yêu cầu như mục "B. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP HÀNG HÓA", Stt (1)

B. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP HÀNG HÓA

Stt	Nội dung yêu cầu bắt buộc
1	<p>Yêu cầu tài liệu Test report: Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Test report của từng chủng loại hàng hóa dự thầu. Test report chỉ được xem xét là tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu khi có đầy đủ các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Test report của hãng sản xuất: (1) Nhà thầu và hãng sản xuất cung cấp tài liệu Test report phải bao gồm đầy đủ các thông tin: kí mã hiệu hàng hóa được đo kiểm (phù hợp với kí mã hiệu hàng hóa dự thầu), tiêu chuẩn áp dụng đo kiểm, hình ảnh của mẫu hàng hóa đo kiểm, thời gian, địa điểm và kết quả đo kiểm; (2) Tài liệu mô tả quy trình đo kiểm (nếu có); (3) Nhà thầu và hãng sản xuất phải cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của Test report và sẵn sàng thực hiện các bài đo (có trong Test report của hãng sản xuất) dưới sự chứng kiến của Chủ đầu tư/Bên mời thầu (khi có yêu cầu). - Test report của Bên thứ 3 – có chức năng đo kiểm độc lập: Bên thứ 3 (Đơn vị đo kiểm) phải là tổ chức, có chức năng đo kiểm, thực hiện và xác nhận kết quả các bài đo kiểm. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng nhận Bên thứ 3 (Đơn vị đo kiểm) có chức năng thực hiện các bài đo, cụ thể: quyết định hoặc chứng nhận của đơn vị quản lý nhà nước/ tổ chức có thẩm quyền công nhận năng lực của Đơn vị đo kiểm với danh sách các phép thử được phép thực hiện đo thử và cấp chứng nhận; và các tài liệu mô tả phép đo thử (nếu có). <p>Trường hợp, Test report không có đủ các thông tin nêu trên, Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT không có tài liệu Test report để chứng minh đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu.</p>
2	Bảo hành theo từng đơn đặt hàng. Thời hạn bảo hành đối với hàng hóa là tối thiểu 02 (hai) năm kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa của đơn đặt hàng.
3	Nhà thầu phải ghi rõ xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu, nhãn mác hàng hóa.
4	- Đối với hàng hoá nhập khẩu: Nhà thầu phải cam kết cung cấp tài liệu chứng nhận xuất xứ hàng hóa; tài liệu chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, và các chứng từ

Stt	Nội dung yêu cầu bắt buộc
	<p>liên quan khác (nếu có) khi bàn giao hàng hóa để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hàng hóa có xuất xứ trong nước: Nhà thầu phải cam kết cung cấp tài liệu chứng nhận chất lượng và Test report của hàng hóa do nhà sản xuất cấp khi bàn giao hàng hóa để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. - Đối với hàng hoá mang thương hiệu Việt Nam: Nhà thầu cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp kèm theo E-HSMT. Trường hợp không có giấy chứng nhận, nhà thầu cam kết rằng hàng hóa dự thầu (bao gồm hàng hóa sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu) không vi phạm và không bị tranh chấp về bản quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là về nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ tại Việt Nam.
5	<p>Nhà thầu cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa là mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, không có lỗi về vật liệu, sản xuất, thiết kế, vận hành, đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT và các tiêu chuẩn nêu trong E-HSMT. - Hàng hóa bảo đảm tính năng kỹ thuật như đã qui định trong các yêu cầu đối với hàng hóa. Nhà thầu phải đảm bảo tính trung thực, chính xác về các thông tin đối với hàng hóa của mình. Bên mời thầu sẽ khước từ tất cả các sản phẩm, thiết bị do nhà thầu cung cấp mà không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm các chính sách có liên quan do nhà nước ban hành: hải quan, thuế, môi trường, ... - Bảo đảm chưa có các hoạt động gây mất an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông trong việc cung cấp thiết bị viễn thông trên thế giới và tại Việt Nam; bảo đảm, nếu trúng thầu, thiết bị viễn thông do nhà thầu cung cấp không có khả năng gây mất an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông; chịu trách nhiệm và bồi thường mọi thiệt hại có liên quan nếu thiết bị viễn thông do nhà thầu cung cấp bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện gây mất an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông. - Cam kết sản phẩm, tài liệu kỹ thuật, hàng hóa dự thầu không có hình ảnh, tài liệu mang nội dung thông tin sai sự thật, vi phạm chủ quyền quốc gia. - Cam kết hàng hóa dự thầu không vi phạm các quy định về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, bản quyền, nhãn hiệu của Cục sở hữu trí tuệ-Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam; đồng thời không có tranh chấp liên quan đến các nội dung nêu trên.
6	<p>Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản tuân thủ hoàn toàn yêu cầu về phạm vi cung cấp quy định tại Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, E-HSMT.</p>
7	<p>Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản cam kết đáp ứng tất cả các nội dung theo quy định tại 1.3 Các yêu cầu khác, Mục 1 Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật, E-HSMT.</p>
8	<p>Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản đáp ứng yêu cầu về hợp đồng (ĐKC, ĐKCT) đối với từng điều khoản quy định tại Chương VI, VII - E-HSMT và Biểu mẫu hợp đồng quy định tại Phần 4 – E-HSMT.</p>

Handwritten signatures and initials at the bottom right corner of the page.

Hướng dẫn nhà thầu tuyên bố đáp ứng bằng yêu cầu và đánh giá kỹ thuật:

STT	Nội dung yêu cầu kỹ thuật	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	Tài liệu tham chiếu/ Giải thích
1			
...			

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT của mình bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được quy định tại Mục 1.2 Chương này, đính kèm các tài liệu kỹ thuật liên quan của hàng hóa. Trong bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nhà thầu thực hiện như sau:

➤ **Chỉ dẫn về nội dung của các cột:**

- **STT:** Số thứ tự hoặc mục của các yêu cầu
- **Nội dung yêu cầu kỹ thuật:** Cột này chứa nội dung của các yêu cầu kỹ thuật.
- **Loại yêu cầu:** Yêu cầu bắt buộc.
- **Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu:** Nhà thầu sẽ điền mức độ đáp ứng của hàng hóa, giải pháp ứng với các yêu cầu. Có 2 mức độ: Đáp ứng và không đáp ứng
 - **Đáp ứng:** Nhà thầu tuân thủ hoàn toàn yêu cầu. Chủ đầu tư có thể sử dụng được ngay tính năng này. Nhà thầu phải nêu rõ thông tin, giá trị đáp ứng cụ thể của hàng hóa. Ví dụ:
 - Yêu cầu: "Tốc độ xử lý tối thiểu: 1.2 GHz". Tuyên bố: "Đáp ứng. Tốc độ xử lý thực tế: 1.5 GHz (cao hơn yêu cầu)".
 - Yêu cầu: "Bộ nhớ RAM tối thiểu: 4GB". Tuyên bố: "Đáp ứng. Bộ nhớ RAM: 4GB (đúng bằng yêu cầu)".
 - **Không đáp ứng:** Nhà thầu không tuân thủ hoàn toàn yêu cầu, kể cả có đáp ứng phần lớn yêu cầu.

- **Tài liệu tham chiếu/Giải thích:** Cột này nhà thầu ghi các tài liệu tham chiếu (bao gồm: tên tài liệu, số trang, đề mục, dòng...) để dễ tìm kiếm trong quá trình đánh giá hồ sơ. Đối với tất cả các tuyên bố đáp ứng từng nội dung thành phần, Nhà thầu phải ghi rõ đường dẫn tham chiếu đến mục tham khảo của tài liệu kỹ thuật do Nhà thầu cung cấp trong E-HSDT để chứng minh. Nếu không ghi rõ đường dẫn tham chiếu chính xác thì Chủ đầu tư có quyền đánh giá Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đó.

- E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi tất cả các nội dung yêu cầu kỹ thuật bắt buộc quy định tại Mục 1 - Yêu cầu về kỹ thuật - Chương V đều được đánh giá là "Đạt".

Yêu cầu nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT các tài liệu kỹ thuật tham chiếu mô tả chi tiết, chính xác và các catalogue, các tài liệu kỹ thuật minh họa ... để chứng minh các đáp ứng của nhà thầu đối với các nội dung yêu cầu kỹ thuật của do Chủ đầu tư nêu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Yêu cầu về dự trữ hàng hóa: Nhà thầu phải cam kết đảm bảo dự phòng tối thiểu

5% khối lượng hàng hóa của gói thầu tính cho từng chủng loại hàng hóa tại kho của nhà thầu. Yêu cầu này hiệu lực ngay sau thời gian đến hạn giao hàng của đơn hàng thứ nhất và trong thời gian thực hiện hợp đồng cho đến khi đạt 85% số lượng hàng hóa của hợp đồng.

1.3.2. Yêu cầu về sự linh hoạt vật tư khi đặt hàng và giao hàng: Căn cứ theo nhu cầu thực tế mạng lưới tại từng thời điểm, Chủ đầu tư có quyền thay đổi số lượng và chủng loại đặt hàng theo từng đơn hàng nhưng trên cơ sở giám sát đảm bảo không vượt giá trị hợp đồng.

1.3.3. Yêu cầu về bảo hành hàng hoá:

- Bảo hành theo từng đơn đặt hàng.
- Thời gian bảo hành đối với các loại hàng hóa thuộc các phần của gói thầu tối thiểu 02 (hai) năm tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa của từng đơn đặt hàng.

1.3.4. Tiến độ cung cấp:

- Thời gian thực hiện hợp đồng là 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý sử dụng/Nhà thầu thực hiện ký số các văn bản điện tử đơn đặt hàng và biên bản giao nhận & xác nhận tiến độ hàng hóa trên phần mềm PSIS theo quy định cụ thể tại Phụ lục 6: Bộ quy trình ký số các văn bản điện tử đơn đặt hàng và biên bản giao nhận & xác nhận tiến độ hàng hóa trong hoạt động mua sắm tập trung - Mẫu số 17 - Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng – E-HSMT.
- Việc giao hàng được thực hiện theo các đơn đặt hàng (PO) của Chủ đầu tư/Đơn vị mua sắm tập trung, dự kiến có 12 đơn hàng cho 12 tháng liên tiếp. Hiệu lực của hai đơn hàng gần kề có khoảng cách không dưới 20 ngày (không kể ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Nhà nước).
- Giá trị đơn hàng lớn nhất dự kiến bằng 20% giá trị hợp đồng (bất kể chủng loại và số lượng từng loại vật tư).
- Yêu cầu về thời gian giao hàng:

Thời gian giao hàng sẽ thực hiện và hoàn tất tối đa 30 ngày (không kể ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Nhà nước) kể từ ngày đơn đặt hàng có hiệu lực đối với các đơn hàng có giá trị $\leq 20\%$ giá trị hợp đồng (bất kể chủng loại và số lượng từng loại vật tư).

Đối với các đơn hàng có giá trị $> 20\%$, mỗi 1% giá trị đơn hàng vượt hơn 20% giá trị hợp đồng cộng thêm 01 ngày giao hàng, nhưng tổng thời gian giao hàng tối đa không quá 45 ngày (không kể ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Nhà nước) đối với đơn hàng $\leq 40\%$ giá trị hợp đồng.

Đối với các đơn hàng sau đơn hàng thứ nhất, có khối lượng $\leq 5\%$ khối lượng hàng hóa của gói thầu tính cho từng chủng loại vật tư trong phạm vi cung cấp, hoặc đối với từng chủng loại vật tư thuộc đơn hàng mà khối lượng nằm trong phạm vi sẵn sàng lưu trữ 5% khối lượng hàng hóa của gói thầu, khi Chủ đầu tư/Đơn vị mua sắm tập trung đặt đơn hàng ứng cứu (nếu có): thời gian giao hàng không quá 15 ngày (không kể ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Nhà nước) kể từ ngày đơn hàng có hiệu lực.

Nhà thầu có trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất, nhập khẩu, dự phòng... luôn đảm bảo tỷ lệ dự trữ hàng hóa bắt buộc ngay sau khi phát sinh đơn hàng thứ nhất và các đơn hàng tiếp theo, đảm bảo việc tái nhập kho dự trữ đầy đủ số lượng qui định được thực hiện không quá 20 ngày sau khi phát sinh đơn hàng.

Nhà thầu cần có chiến lược dự báo và dự trữ hàng hoá sẵn sàng trong kho để đảm bảo thời gian giao hàng qui định trong hợp đồng.



Handwritten initials and a signature.

- Căn cứ vào nhu cầu của các VNPT tỉnh, thành phố và VNPT-Net hoặc các đơn vị trực thuộc Tập đoàn BCVT Việt Nam (gọi là đơn vị quản lý sử dụng), Chủ đầu tư/Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành đặt hàng (PO) cho nhà thầu với số lượng, địa điểm giao hàng cụ thể.
- Trong vòng 02 ngày làm việc, nhà thầu phải có văn bản xác nhận đơn hàng và thông báo lịch dự kiến giao hàng chi tiết cho từng đơn vị quản lý sử dụng. Trong thời hạn giao hàng theo qui định kể từ ngày đơn hàng có hiệu lực, nhà thầu phải có văn bản thông báo tình hình chuẩn bị hàng hoá sẵn sàng giao nhận và đề nghị tổ chức nghiệm thu hàng hoá tập trung.

Tại bất cứ thời điểm nào và bất cứ đơn đặt hàng nào, hàng hóa do nhà thầu giao chậm $\geq 25\%$ giá trị mỗi đơn đặt hàng và trễ hơn 7 ngày so với qui định trong E-HSMT/hợp đồng thì Chủ đầu tư/Đơn vị mua sắm tập trung có quyền xem xét tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng hợp đồng.

Ngày làm việc: Là các ngày trong tuần trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Luật pháp.

1.3.5. Quy định về cung cấp thông tin và ký số các văn bản điện tử đơn đặt hàng và biên bản giao nhận & xác nhận tiến độ hàng hóa và cung cấp hóa đơn GTGT điện tử (HĐĐT) trên phần mềm quản lý Mua sắm cấp phát vật tư – thiết bị của VNPT (phần mềm PSIS):

- Nhà thầu phải tuân thủ việc cung cấp thông tin kịp thời (bao gồm đính kèm file pdf/ ảnh chụp của văn bản) cho từng Đơn đặt hàng trên phần mềm quản lý Mua sắm cấp phát vật tư – thiết bị của VNPT (phần mềm PSIS) đúng tiến độ theo quy định cụ thể tại Phụ lục 5. Quy định về khai thác phần mềm quản lý mua sắm cấp phát vật tư – thiết bị (phần mềm PSIS) của VNPT trong quá trình thực hiện hợp đồng – Mẫu số 17 - Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng – E-HSMT.
- Nhà thầu phải thực hiện ký số Biên bản giao nhận & xác nhận tiến độ hàng hóa trên phần mềm PSIS theo quy định cụ thể tại Phụ lục 6. Bộ quy trình ký số các văn bản điện tử đơn đặt hàng và biên bản giao nhận & xác nhận tiến độ hàng hóa trong hoạt động mua sắm tập trung - Mẫu số 17 - Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng – E-HSMT. Nhà thầu đăng ký sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng VNPT SmartCA, chịu các chi phí phát sinh để ký số các văn bản điện tử trên phần mềm PSIS.
- Nhà thầu phải tuân thủ việc cung cấp hóa đơn GTGT điện tử (bao gồm đính kèm file pdf HĐĐT/ đường link trang web chứa file HĐĐT, khai báo nội dung HĐĐT) cho từng Đơn đặt hàng trên phần mềm quản lý Mua sắm cấp phát vật tư – thiết bị của VNPT (phần mềm PSIS) đúng tiến độ theo quy định cụ thể tại Phụ lục 7. Quy định về số hóa công tác cung cấp, quản lý, luân chuyển hóa đơn GTGT điện tử trong hoạt động mua sắm tập trung.
- Nhà thầu cam kết các nội dung sau:
 - o Nhà thầu chỉ được khai thác, sử dụng thông tin trên hệ thống phần mềm phục vụ cho hoạt động mua sắm giữa các bên Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý sử dụng/ Nhà thầu.
 - o Nhân sự của Nhà thầu được cấp quyền truy cập hệ thống phần mềm cũng chịu ràng buộc bởi các quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin như đối với Nhà thầu.
 - o Nhà thầu có trách nhiệm thông báo kịp thời về việc thu hồi quyền truy cập hệ thống đối với các nhân sự của Nhà thầu không còn thẩm quyền theo dõi

thực hiện hợp đồng trên phần mềm PSIS.

1.3.6. Quy định về kiểm tra năng lực sản xuất:

Đối với tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa dự thầu, chủ đầu tư có quyền xem xét yêu cầu nhà thầu cho kiểm tra thực tế nhà máy hoặc yêu cầu làm rõ bổ sung hồ sơ để đảm bảo nhà sản xuất thực sự có kinh nghiệm sản xuất, đang có triển khai sản xuất, đáp ứng được yêu cầu về năng lực sản xuất phù hợp với qui mô của gói thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Nhà thầu cam kết sẵn sàng phối hợp với Chủ đầu tư thử nghiệm sự phù hợp của hàng hóa dự thầu với các tính năng kỹ thuật của hàng hóa được tuyên bố đáp ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trong quá trình đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hàng hoá dự thầu, Chủ đầu tư có quyền lấy mẫu hàng hóa dự thầu đem đi kiểm định độc lập các thông số kỹ thuật quy định tại Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật, Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật (nếu cần). Mọi chi phí đo kiểm, kiểm định sẽ do Nhà thầu chi trả. Các kết quả đo kiểm này sẽ là cơ sở để Chủ đầu tư đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hàng hoá dự thầu.

3.2. Quy định về hàng mẫu:

Nhà thầu cung cấp mẫu hàng hóa dự thầu để phục vụ công tác kiểm tra đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và tính tương thích của hàng hoá theo yêu cầu của E-HSMT và kiểm chứng hàng hoá trong quá trình thực hiện hợp đồng đối với nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng, do đó những nhà thầu có nộp hàng mẫu theo quy định thì E-HSMT của những nhà thầu đó mới được tiến hành đánh giá tiếp nội dung ở Mục 1.2 Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật (trường hợp nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá năng lực kinh nghiệm). Nhà thầu chuẩn bị sẵn biên bản bàn giao hàng hóa mẫu theo mẫu đính kèm, giấy giới thiệu và căn cước công dân nhân sự khi nộp hàng mẫu. Biên bản bàn giao hàng mẫu phải ghi đầy đủ các nội dung: tên gói thầu, tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa, số lượng, người nộp mẫu dự thầu ký tên ký trên mẫu hàng hóa dự thầu. Lưu ý: nhà thầu cần đồng bộ, thống nhất về ký mã hiệu hàng hóa dự thầu trên Bảng chào giá dự thầu (WEBFORM), mẫu dự thầu (Biên bản bàn giao hàng mẫu dự thầu) và tài liệu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu đính kèm E-HSMT.

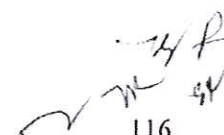
- Thời gian nộp hàng mẫu: chậm nhất là 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu không nộp hàng mẫu theo đúng quy định thì nhà thầu được xem là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và bị loại ngay lập tức mà không cần thiết phải xem xét tiếp bước đánh giá về giá.
- Địa điểm nộp hàng mẫu: Phòng Dự án Mua sắm – Ban quản lý dự án Tây thành phố (270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM). Số điện thoại liên hệ: 0913.969.464.
- Số lượng hàng mẫu:

STT	Danh mục hàng mẫu	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Măng sông (Ngâm, 96FO)	Bộ	1
2	Măng sông (Ngâm, 48FO)	Bộ	1
3	Măng sông (Ngâm, 24FO)	Bộ	1
4	Măng sông (Ngâm, 12FO)	Bộ	1

STT	Danh mục hàng mẫu	Đơn vị tính	Khối lượng
5	Măng sông (Treo, 96FO)	Bộ	1
6	Măng sông (Treo, 48FO)	Bộ	1
7	Măng sông (Treo, 24FO)	Bộ	1
8	Măng sông (Treo, 12FO)	Bộ	1
9	Măng sông (Treo, 6FO)	Bộ	1

Lưu ý: Hàng mẫu (phải bao gồm đầy đủ cấu kiện, phụ kiện) cần được nộp riêng biệt, đủ bộ cho từng loại vật tư trong danh mục hàng mẫu yêu cầu cung cấp như trên, không được nộp số lượng tính gộp trên thành phần cấu kiện của sản phẩm chào thầu. Nhà thầu có thể giao số lượng hàng mẫu ít hơn trong trường hợp nhà thầu chào một chủng loại măng sông quang vừa sử dụng cho ngàm vừa sử dụng cho treo thì chỉ cần nộp 01 mẫu nhưng phải có đầy đủ phụ kiện của măng sông quang treo và măng sông quang ngàm.

- Nhà thầu phải cung cấp hàng mẫu dự thầu phù hợp với hàng hóa đề xuất trong E-HSĐT và thông tin của người phụ trách kỹ thuật (email, số điện thoại) để hỗ trợ và phối hợp đo kiểm hàng mẫu; cam kết sẵn sàng cử nhân sự kỹ thuật nêu trên để phối hợp đo kiểm hàng mẫu cùng với Chủ đầu tư trong suốt thời gian đánh giá E-HSĐT.
- Hàng mẫu sẽ được hoàn trả như sau:
 - Nhà thầu không trúng thầu: trong vòng 30 ngày kể từ khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - Nhà thầu trúng thầu: trong vòng 30 ngày kể từ khi thanh lý hợp đồng.
 - Nếu sau thời gian trên mà nhà thầu không đến nhận lại mẫu dự thầu thì chủ đầu tư có quyền hủy hoặc thanh lý mẫu dự thầu và không chịu trách nhiệm về việc hoàn trả mẫu dự thầu.


 116

MẪU BIÊN BẢN NHẬN HÀNG MẪU DỰ THẦU

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
VIỄN THÔNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NHẬN HÀNG MẪU DỰ THẦU

Tên gói thầu:

Nhà thầu:

± TP.Hồ Chí Minh, giờ..... phút, ngày tháng năm 20...

+ Thành phần :

- Chủ đầu tư:

Điện thoại: .

- Nhà thầu:

Điện thoại:

+ Số lượng và chủng loại:

TT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ/ Hãng sản xuất/ Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (phụ kiện hàng hóa, phụ kiện đi kèm..)
1.					phụ kiện đi kèm
2.					Đủ phụ kiện
3.					
4.					

Nhà thầu

Chủ đầu tư

17/11/2017